

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI
Số: 1254/BVSN-KD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Quảng Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2025

V/v mời chào giá bông, băng, gạc,
vật liệu cầm máu, dung dịch sát
khuẩn, ống thông, ống dẫn lưu,
catheter, dây dẫn, găng tay, túi, lọ,
keo dán da, đồ dùng 1 lần cho phẫu
thuật thủ thuật các loại

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm bông, băng, gạc, vật liệu cầm máu, dung dịch sát khuẩn, ống thông, ống dẫn lưu, catheter, dây dẫn, găng tay, túi, lọ, keo dán da, đồ dùng 1 lần cho phẫu thuật thủ thuật các loại của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm bông, băng, gạc, vật liệu cầm máu, dung dịch sát khuẩn, ống thông, ống dẫn lưu, catheter, dây dẫn, găng tay, túi, lọ, keo dán da, đồ dùng 1 lần cho phẫu thuật thủ thuật các loại của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn - Trưởng khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.
 - Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 05 tháng 11 năm 2025 đến trước 16h00 ngày 20 tháng 11 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá:

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	1. Bông, Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương			
	1.1. Bông			
1	Bông tiêu 2cm x 2cm	Chất liệu: Cotton 100%, dạng miếng. Kích thước: 2cm x 2cm. Gói: ≥ 500gram. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói	1.200
2	Bông ép sọ não 1,5cm x 5 cm	Chất liệu: Cotton 100%. Kích thước: 1,5cm x 5cm. Loại: Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc	Cái	400

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		tương đương.		
3	Tăm bông vô khuẩn	Đóng gói riêng từng cái. Hàn kín vô trùng từng que. Dùng để lấy các mẫu vi sinh mục đích xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	60.000
	1.2. Băng			
4	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa. Thời gian ngâm nước $\leq 10s$. Thời gian đông kết từ 2 đến 4 phút. Kích thước cuộn $\geq 10cm \times 2,7m$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	1.400
5	Bột bó sợi thủy tinh, kích cỡ 7,5cm x 3,6m	Băng bột bó (sợi thủy tinh Fiberglass hoặc sợi nhựa tổng hợp Polyester), tấm keo polyurethane hoặc tương đương. Kích thước $\geq 7,5cm \times 3,6m$. Co giãn đa chiều, có độ kết dính cao. Thời gian quấn băng 3 đến 5 phút, đông cứng trong thời gian 20 đến 30 phút. Chụp X quang xuyên qua. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	200
6	Bột bó sợi thủy tinh, kích cỡ 10cm x 3,6m	Băng bột bó (sợi thủy tinh Fiberglass hoặc sợi nhựa tổng hợp Polyester), tấm keo polyurethane hoặc tương đương. Kích thước $\geq 10cm \times 3,6m$. Co giãn đa chiều, có độ kết dính cao. Thời gian quấn băng 3 đến 5 phút, đông cứng trong thời gian 20 đến 30 phút. Chụp X quang xuyên qua. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	200
7	Bông lót 10cm x 2,7m	Chất liệu: 100% polyester hoặc tương đương. Bông ép 2 mặt, không thấm nước. Kích thước $\geq 10cm \times 2,7m$; vật liệu lót trước khi băng cố định, băng bột bó...Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	800
8	Tất lót 7,5cm x 10m	Tất lót không thấm nước dạng cuộn. Kích thước $\geq 7,5cm \times 10m$; vật liệu lót trước khi băng cố định, băng bột bó...Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	10
9	Tất lót 10cm x 10m	Tất lót không thấm nước dạng cuộn. Kích thước $\geq 10cm \times 10m$, vật liệu lót trước khi băng cố định, băng bột bó...Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	10
10	Băng thun cuộn 10cm x 4,5m (3 móc)	Băng thun cuộn 10cm x 4,5m (3 móc). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	1.000
11	Băng cuộn y tế 10cm x 5m	Băng cuộn y tế. Kích thước $\geq 10cm \times 5m$. Dệt từ sợi 100% cotton. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	1.200
12	Băng dính trong vô trùng trong suốt có xẻ rãnh 6cm x 7 cm	Băng dính trong vô trùng trong suốt có xẻ rãnh. Kích thước $\geq 6cm \times 7cm$. Phù hợp với các kim luôn có cổng tiêm. Lớp film Polyurethane hoặc tương đương trong suốt: Bán thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính 27nm hoặc lớn hơn (HIV-1 và HBV). Nền keo Acrylate. Tiệt trùng từng miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Miếng	10.000
13	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Thành phần: Ống nilon: 18cm x 230cm; túi nilon 9cm x 14cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	7.000
14	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn in thông tin bằng máy in	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn in thông tin bằng máy in. Chất liệu: Silicone hoặc PP hoặc tương đương. Sử dụng cho công nghệ in nhiệt trực tiếp. Chống chịu được Ethanol và một số acid với nồng độ thấp.	Cái	70.000
15	Vòng đeo tay bệnh nhân trẻ em in thông tin bằng máy in	Vòng đeo tay bệnh nhân trẻ em in thông tin bằng máy in. Chất liệu: Silicone hoặc PP hoặc tương đương. Sử dụng cho công nghệ in nhiệt trực tiếp. Chống chịu được Ethanol và một số acid với nồng độ thấp.	Cái	30.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	1.3. Băng dính			
16	Băng dính 2,5cm x 5m	Băng dính 2,5cm x 5m. Vải lụa Taffeta trắng, dệt từ sợi cellulose acetate hoặc tương đương. Keo: Gồm hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng hoặc tương đương. Độ nhớt 8.100-12.700 cP, lực dính 1,8N/cm đến 5,5N/cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, EN, CFS, FDA ... nếu có)	Cuộn	30.000
	1.4. Gạc, băng gạc điều trị các vết thương			
17	Gạc cầu đường kính 40mm x2 lớp, vô trùng	Kích thước fi 40mm x (≥ 2) lớp. Gạc được dệt từ sợi 100%, cotton có độ thấm hút cao. Tốc độ hút nước ≤ 5s. Độ acid bazo: trung tính. Độ ẩm: ≤ 8%. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	240.000
18	Gạc cầu đường kính 30 mm x1 lớp, vô trùng	Kích thước fi 30mm x (≥1) lớp. Gạc được dệt từ sợi 100%, cotton có độ thấm hút cao. Tốc độ hút nước ≤ 5s. Độ acid bazo: Trung tính. Độ ẩm: ≤ 8%. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	640.000
19	Gạc củ ấu sản khoa vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin. Độ pH: trung tính. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	300.000
20	Gạc dẫn lưu tai mũi họng 0,75cm x 100cm x 4 lớp, vô trùng	Gạc dẫn lưu tai mũi họng. Kích thước ≥ 0,75cm x 100cm ≥ 4 lớp. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói 10 cái	400
	1.5. Vật liệu cầm máu, điều trị các vết thương			
21	Gạc phẫu thuật 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng, có cân quang	Quy cách: 30cm x 40cm x 6 lớp. Có cân quang. Tiệt trùng. Chất liệu: Gạc hút nước dệt từ sợi 100% cotton. Trọng lượng gạc: ≥22,5 gram/m2 (±5%). Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây. Khả năng hút nước: ≥ 10gram nước/1gram gạc. Không có tinh bột hoặc Dextrin. Độ acid và độ kiềm: Trung tính. Chất tan trong nước: < 0,5%. Bao gói: Túi ép tiệt trùng có chỉ thị màu đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	miếng	120.000
22	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng, có cân quang	Quy cách: 10cm x 10cm x 8 lớp. Có cân quang. Tiệt trùng. Chất liệu: Gạc hút nước dệt từ sợi 100% cotton. Trọng lượng gạc: ≥22,5 gram/m2 (±5%). Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây. Khả năng hút nước: ≥ 10 gram nước/1gram gạc. Không có tinh bột hoặc Dextrin. Độ acid và độ kiềm: Trung tính. Chất tan trong nước: < 0,5%. Bao gói: Túi ép tiệt trùng có chỉ thị màu đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	miếng	1.050.000
23	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x6 lớp vô trùng	Thành phần: Sản phẩm được làm từ chất liệu vải không dệt. Không có hóa chất tẩy trắng, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ axit và kiềm: Trung tính. Độ trắng ≥ 80%. Độ ẩm ≤ 8%. Được tiệt trùng. Kích thước 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	cái	1.000
24	Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton. Kích thước: 3,5cm x 75cm ≥ 6 lớp. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	miếng	16.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25	Miếng cầm máu mũi	Miếng cầm máu mũi. Thành phần: Bông Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate hoặc tương đương. Bã không hóa chất, không bột vải. Kích thước $\geq 8\text{cm} \times 1,5\text{cm} \times 2\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Miếng	40
26	Vật liệu cầm máu tự tiêu kích thước 10,2 x 20,3cm	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, bằng sợi cellulose oxi hóa tái tổ hợp nguồn gốc thực vật, sử dụng được trong phẫu thuật sọ não. Tự tiêu từ 7 đến 14 ngày. Kích thước: 10,2 x 20,3cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Miếng	100
27	Vật liệu cầm máu tự tiêu kích thước 5,1 x 10,2cm	Vật liệu cầm máu dạng bông ép Rayon sợi dài, đường kính 20 μm mịn đồng nhất, trọng lượng 10.8 mg/cm ² , dệt dày tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) hoặc tương đương, nguồn gốc thực vật. Kích thước 5,1 x 10,2cm. Diệt khuẩn (diệt ≥ 29 loại vi khuẩn), hàm lượng carboxyl 18-21%. Độ pH thấp (2,4). Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Miếng	120
28	Vật liệu cầm máu tự tiêu kích thước 2,5x5,1cm	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp Rayon sợi ngắn, đường kính 20 μm mịn đồng nhất, trọng lượng 26.3 mg/cm ² , tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) hoặc tương đương, nguồn gốc thực vật. Kích thước 2,5x5,1cm, có tính diệt khuẩn (diệt ≥ 29 loại vi khuẩn), hàm lượng carboxyl 18-21%. Độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, dạng bông gòn có nhiều lớp, có thể tách ra nhiều lớp (tối thiểu 10 lớp), cắt, xé, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ, bám tốt vào mô chảy máu như một lớp gel mỏng, tự tiêu sau 7 - 14 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Miếng	120
29	Sáp cầm máu tiết trùng dùng cho xương	Sáp cầm máu xương 2.5 gram. Thành phần tối thiểu gồm: Sáp ong, parafin và isopropyl palmitate. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Miếng	48
	2. Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương			
30	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Thành phần tối thiểu gồm: Chlorhexidine digluconate 4%. Diệt vi khuẩn đa kháng gây nhiễm khuẩn bệnh viện: MRSA, ESBL, Acinetobacter baumannii...Chai $\geq 500\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, EN, CFS, FDA ... nếu có)	Chai	2.600
31	Dung dịch rửa tay thường quy	Thành phần tối thiểu gồm: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside...Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chai $\geq 500\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	4.000
32	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Thành phần tối thiểu gồm: 70% Ethanol + 1,74% Propanol-2-ol (mg/g). Dạng chế phẩm: Dạng gel. Thành phần không chứa chất tạo màu, không mùi, không chứa chất gây dị ứng da. Diệt virus HIV, Rotavirus, H1N1, virus gây bệnh chân tay miệng. Diệt Coronavirus, SARS trong ≤ 30 giây. Chai $\geq 500\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, EN, CFS, FDA ... nếu có)	Chai	10.000
33	Dung dịch cồn rửa tay phẫu thuật	Thành phần tối thiểu gồm: Ethanol 45% kl/tt, n-propanol 18% kl/tt. Chai $\geq 500\text{ml}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS,	Chai	1.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		FDA ... nếu có)		
34	Dung dịch sát khuẩn da dùng trong y tế	Thành phần tối thiểu gồm: Ethanol 80%, Chlorhexidine gluconate 0.5%. Chai $\geq$ 200ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	4.000
35	Cồn 70 độ	Cồn đạt 70 độ.	Lít	4.000
36	Cồn 96 độ	Cồn đạt 96 độ.	Lít	600
37	Cồn tuyệt đối	Thể lỏng không màu. Độ tinh khiết $\geq$ 99.9%. Cacbonyl $\leq$ 0.003 %. Aldehyt $\leq$ 0.001%.	Lít	5
38	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme: 1%-3% protease, 0.1%-0.5% lipase, 0.1%-0.5% amylase, 0.1%-0.5% mannanase, 0.1%-0.5% cellulase. PH trung tính 6.8-7.3. Thời gian $\leq$ 5 phút. Hiệu quả làm sạch TOSI, Load Check, Wash checks, SIMICON-RI. Chai $\geq$ 1000ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Chai	1.000
39	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao chứa Orthophthalaldehyde	Thành phần tối thiểu gồm: Ortho-phthalaldehyde 0,55%; pH 7,2 - 7,8. Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao $\leq$ 5 phút, tái sử dụng trong vòng $\geq$ 14 ngày. Bảo quản dung dịch trong can đạt $\geq$ 75 ngày tính từ khi mở nắp. Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, trực khuẩn lao (Mycobacterium bovis). Can $\geq$ 3,78 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	can	700
40	Dung dịch tan gỉ loại 1	Thành phần tối thiểu gồm: Glycolic Acid 8%. Chai $\geq$ 750ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	40
41	Dung dịch tan gỉ loại 2	Thành phần tối thiểu gồm: Triethanolamine 8%. Chai $\geq$ 750ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	40
42	Dung dịch bôi trơn và chống ăn mòn dụng cụ y tế	Thành phần tối thiểu gồm: Petroleum hydrocarbons 5Gm. Can $\geq$ 3,785 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Can	20
43	Viên nén khử khuẩn	Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosene Sodium hoặc tương đương. Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH acid. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Viên	6.000
44	Chloramin B	Bột tinh thể Chloramin B 25%. Dùng để pha dung dịch sát khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Kg	700
45	Dung dịch tẩy rửa và diệt khuẩn bề mặt thiết bị y tế	Thành phần tối thiểu gồm: 0.3% Didecylidimethyl ammonium chloride, chất hoạt động bề mặt không ion, không chứa cồn. Tương thích với vật liệu Polycarbonate. Đầu phun tạo bọt. PH=6. Diệt virus HIV, HBV, HCV, Rotavirus trong thời gian $\leq$ 1 phút. Diệt vi khuẩn đa kháng: MRSA, Klebsiella pneumoniae $\leq$ 2 phút. Chai $\geq$ 750ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, EN, CFS, FDA ... nếu có)	Chai	1.000
46	Dung dịch phun sát khuẩn bề mặt	Thành phần tối thiểu gồm: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). Can $\geq$ 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, EN, CFS, FDA ... nếu có)	Can	100
47	Vôi soda	Thành phần tối thiểu gồm: Canxi Hydroxit (Ca(OH) ₂) và natri Hydroxit (NaOH). Can $\geq$ 4,5kg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Can	60
48	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, tiệt khuẩn lạnh dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt	Thành phần tối thiểu: acid peracetic (được tạo ra từ acetylcaprolactam), không chứa acid acetic. Khử khuẩn mức độ cao, diệt virus, vi khuẩn, bào tử $\leq$ 5 phút. Tái sử dụng $\leq$ 14 ngày, có kèm test kiểm tra nồng độ acid peracetic. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Can	50

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)		
49	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn bề mặt phòng mổ	Thành phần tối thiểu: 2,5% Didecyltrimethylammonium chloride + 5,1% N,N Bis (3Aminopropyl) dodecylamine. Làm sạch khử khuẩn sàn nhà, bề mặt, tương thích tốt với các chất liệu bề mặt. Nồng độ pha: 0.25%. Thời gian tiếp xúc: từ 15 phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Can	20
	3. Găng tay y tế			
50	Găng khám bệnh các cỡ	Găng khám bệnh các cỡ XS, S, M, L, XL. Chất liệu cao su (latex) tự nhiên. Dùng trong y tế có bột. Độ dài $\geq 230\text{mm}$. Độ dày $\geq 0,08\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Đôi	1.100.000
51	Găng khám không chứa bột tan	Găng tay phẫu thuật các cỡ XS, S, M, L, XL. Chất liệu cao su (latex) tự nhiên. Độ dài $\geq 220\text{mm}$. Không chứa bột tan hoặc hàm lượng bột tan $\leq 2\text{mg/găng tay}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Đôi	16.000
52	Găng tay phẫu thuật các cỡ	Găng tay phẫu thuật các cỡ 6,5; 7; 7,5; 8. Chất liệu cao su (latex) tự nhiên. Độ dài $\geq 270\text{mm}$. Độ dày $\geq 0,1\text{mm}$. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Đôi	240.000
	4. Ống đặt nội khí quản			
53	Ống đặt nội khí quản có bóng và không bóng các số	Tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương. Đầu ống nối 15mm, vạch đánh dấu độ dài từng cm dọc thân ống, đường cong sinh lý. Vạch căn quang chạy dọc thân ống. Đầu ống bo tròn với mắt Murphy eye. Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị vị trí dây thanh âm. Các ống: 3.0mm (đường kính ngoài 4.4mm, đường kính bóng 7.8mm, chiều dài 160mm); 3.5mm (đường kính ngoài 5.0mm, đường kính bóng 9.6mm, chiều dài 180mm); 4.0mm (đường kính ngoài 5.7mm, đường kính bóng 9.6mm, chiều dài 200mm); 4.5mm (đường kính ngoài 6.3mm, đường kính bóng 13.0mm, chiều dài 220mm); 5.0mm (đường kính ngoài 6.9mm, đường kính bóng 20.9 mm, chiều dài 240mm); 5.5mm (đường kính ngoài 7.5mm, đường kính bóng 21.8 mm, chiều dài 270mm); 6.0mm (đường kính ngoài 8.2mm, đường kính bóng 23.9 mm, chiều dài 280mm); 6,5 (đường kính ngoài 8.9mm, đường kính bóng 24.7 mm, chiều dài 290mm); 7.0mm (đường kính ngoài 9.5mm, đường kính bóng 28.2 mm, chiều dài 300mm); 7.5mm (đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng 28.7mm, chiều dài 310mm); 8.0mm (đường kính ngoài 10.8mm, đường kính bóng 32.3 mm, chiều dài 320mm); 8.5mm (đường kính ngoài 11.4mm, đường kính bóng 32.9 mm, chiều dài 330mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, ISO, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	14.000
	5. Kim cánh bướm, kim lấy thuốc			
54	Kim cánh bướm các số	Kim các cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC hoặc tương đương, dài $\geq 30\text{cm}$, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, EN, CFS, FDA ... nếu có).	Cái	50.000

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
55	Kim lấy thuốc các số	Kim các số G18, G20, G23. Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, làm bằng hợp kim Crom-Nikel hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, EN, CFS, FDA ... nếu có).	Cái	600.000
	6. Túi đựng nước tiểu, lọ đựng bệnh phẩm, sonde			
56	Túi đựng nước tiểu 2 lít	Thể tích 2000ml. Chia vạch rõ ràng, van không hở, chảy nước. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	16.000
57	Sonde foley 2 đường số 8, số 10 trẻ em	Bề mặt và đầu nhẵn cho phép chèn không gây chấn thương. Bọc 100% silicone hoặc tương đương, dùng tốt cho bệnh nhân dị ứng latex. Lỗ bên đường kính lớn hơn tối đa hóa lưu lượng nước tiểu và giảm đông máu. Có 2 loại Van cao su (Van mềm) và Van nhựa (Van cứng). Tiết trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.200
58	Sonde foley 2 đường các số người lớn	Chất liệu cao su thiên nhiên hoặc tương đương, có phủ silicon. Lỗ ống rộng giúp dẫn lưu tốt, thành ống dày chống gãy gập. Bóng cân đối, dung tích bóng 3ml-50ml. Chất liệu không có DEHP. Dài 270 – 400mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	18.000
59	Sonde dẫn lưu ổ bụng các cỡ	Chất liệu PVC hoặc tương đương. Màu trắng tự nhiên, ống dây mềm dẻo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.000
60	Sonde dạ dày (cho ăn) các số	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương. Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	31.000
61	Sonde hút dịch các cỡ	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	60.000
62	Sonde nelaton các số	Làm bằng cao su thiên nhiên hoặc tương đương. Kích thước 6Fr - 24Fr. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	6.000
63	Sonde niệu quản các số	Một bộ gồm: Xông JJ, kẹp, que đẩy, chỉ rút xông. Xông làm bằng Aliphatic Polyurethan hoặc tương đương. Kích thước: 4,7Fr - 8Fr. Chiều dài 16cm - 30cm. Được tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	100
64	Dây thở oxy 2 nhánh các cỡ	Chất liệu nhựa y tế hoặc tương đương. Dây oxy 2 nhánh, chống gãy gập tắc nghẽn, viên ống thiết kế tròn. Được tiết trùng. Có bao chứa an toàn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	6.000
65	Lọ đựng bệnh phẩm	Lọ nhựa dùng đựng bệnh phẩm. Có nhãn ghi thông tin bệnh phẩm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	36.000
66	Canuyn mở khí quản các số	Chất liệu: nhựa PVC hoặc tương đương, có bóng, cong 90 độ. Đầu nối 15mm. Đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống, vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
	7. Catheter các loại			
67	Catheter tĩnh mạch rốn các cỡ	Catheter tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Bao gồm: 01 catheter chất liệu PVC hoặc tương đương. Dài 37cm ($\pm 5\%$). Tốc độ dòng truyền dịch $>31\text{ml/ phút}$ (cỡ 5Fr). Tốc độ dòng truyền dịch $>6\text{ml/ phút}$ (cỡ 3,5 Fr). Tốc độ dòng truyền dịch $>16\text{ml/ phút}$ (cỡ 4Fr). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Bộ	400

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
68	Catheter nuôi dưỡng tĩnh mạch trung tâm 1F	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: 01 catheter chất liệu polyurethane hoặc tương đương. Cỡ 1Fr. Dài 20 cm. Tốc độ truyền dịch 0,7ml/phút ($\pm 5\%$). Thể tích mỗi dịch ban đầu 0,09ml ($\pm 5\%$). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	500
69	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các cỡ	Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, chống vặn xoắn, đầu chữ J. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 4F,5F,7F, chiều dài 8cm - 20cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G16 - G22. Có dây điện cực để đo ECG. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	cái	360
70	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng trẻ em	Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, chống vặn xoắn, đầu chữ J. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 5F, chiều dài 13cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G20, G22. Có dây điện cực để đo ECG. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Bộ	40
71	Dung dịch nhuộm phiên đồ âm đạo màu cam	Thuốc nhuộm thể hiện rõ keratin trong tế bào chất. Thuốc nhuộm đa sắc vết tế bào chất. Hóa chất nhuộm màu rõ ràng phân biệt thành phần tế bào với màu hồng, màu xanh lá cây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có). Chai ≥ 473 ml	Chai	30
72	Dung dịch nhuộm phiên đồ âm đạo màu xanh	Thuốc nhuộm đa sắc vết tế bào chất. Hóa chất nhuộm màu rõ ràng phân biệt thành phần tế bào với màu hồng, màu xanh lá cây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có). Chai ≥ 473 ml	Chai	30
	8. Bộ khăn sinh thường, sinh mổ dùng 1 lần			
73	Đồ dùng 1 lần cho phẫu thuật, thủ thuật trong sinh mổ (Bộ khăn phẫu thuật lấy thai có kèm túi dịch)	Bao gồm: 1 x khăn trải bàn dụng cụ L: 140cmx200cm; 1 x Khăn trải bàn mayo 2 lớp: 120cm x 140cm; 1 x Khăn sinh mổ 180-200 cm x 320-340 cm. Có túi chứa dịch lỏng 270o ở vùng phẫu trường; 10 x khăn thấm: 30cm x 40cm; 2 x khăn em bé: 90cm x 120cm; 1 x khăn em bé: 98cm x 120cm chất liệu vải bán thấm 60-65gsm; 1 x áo phẫu thuật L có gia cố thân liền khâu trang: 130(dài) x 150(rộng); 2 x áo phẫu thuật M có gia cố thân liền khâu trang: 120 (dài) x 140 (rộng); 2 x kẹp rốn; 2 x Băng keo OP: 9-10cm x 50cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Bộ	11.000
74	Đồ dùng 1 lần cho phẫu thuật, thủ thuật trong đẻ thường	Bao gồm: 1 x Khăn có lỗ: 75cm x 115cm: chất liệu vải bán thấm; 4 x Khăn đa dụng: 50cm x 60cm: chất liệu vải bán thấm; 1 x Khăn trải dưới mông có túi chứa dịch: 80cm x 80cm đo được lượng máu sau sinh chính xác nhất; 2 x Bao phủ chi (vải SMS chống tĩnh điện) 30cm x 90cm; 2 x Khăn em bé L: 60cm x 90cm; 1 x Khăn đa dụng: 90cm x 100cm chất liệu vải không dệt SMMMS hoặc tương đương, chống thấm nước; 1 x Khăn đa dụng 50x53cm chất liệu vải SMMMS. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Bộ	6.000
	9. Keo dán da			
75	Keo dán da ống 0,5ml	Keo dán da thành phần 2-octyl cyanoacrylate. Ống thủy tinh chứa 0,5ml dung dịch keo được bọc ngoài bằng nhựa dẻo. Có khả năng ngăn ngừa vi khuẩn $\geq$	Ống	350

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		99% trong vòng 72 giờ. Lực giữ vết thương 320mmHg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)		
76	Keo dán da ống 0,7ml	Keo dán da thành phần 2-octyl cyanoacrylate, màu tím, không tan. Ống thủy tinh chứa 0,7ml dung dịch keo được bọc ngoài bằng nhựa dẻo. Có khả năng ngăn ngừa vi khuẩn $\geq 99\%$ trong vòng 72 giờ. Lực giữ vết thương 320mmHg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Ống	150

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

PHỤ LỤC BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1		Thiết bị A													
2		Thiết bị B													
3															
Tổng: ... mặt hàng											Tổng thành tiền: (Bằng chữ: ...)				

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))